

Số: 14.21/QĐ-UBND

Trạm Tấu, ngày 13 tháng 10 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách 9 tháng năm 2017

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện Trạm Tấu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2017 huyện Trạm Tấu. Chi tiết theo các biểu (đính kèm).

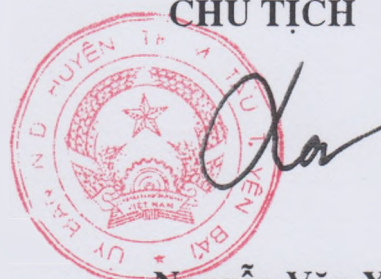
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan căn cứ thực hiện Quyết định này. /v

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND - UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Xa

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2017**  
**HUYỆN TRẠM TẤU-TỈNH YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số: 1424 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017  
của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2017
<b>I</b>	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	<b>25.396.723</b>
-	Thu cân đối ngân sách	21.749.915
-	Thu tiền sử dụng đất	3.646.808
-	Thu phản ánh qua ngân sách	
<b>II</b>	<b>Tổng thu ngân sách huyện</b>	<b>282.724.747</b>
<b>1</b>	<b>Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp</b>	<b>18.659.249</b>
	* Trong đó: - Thu ngân sách được hưởng 100%	11.109.460
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	7.549.789
<b>2</b>	<b>Thu phản ánh qua ngân sách</b>	
<b>3</b>	<b>Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>247.204.112</b>
-	Thu bổ sung cân đối năm 2017	46.500.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu năm 2017	200.704.112
<b>4</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>	<b>-</b>
<b>5</b>	<b>Thu chuyển nguồn năm trước sang</b>	<b>16.861.387</b>
	* Trong đó: Ngân sách huyện	16.577.750
	Ngân sách xã	283.637
<b>III</b>	<b>Tổng chi ngân sách huyện</b>	<b>242.817.346</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>9.255.464</b>
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>159.446.637</b>
<b>3</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>1.909.000</b>
<b>4</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại phản ánh qua NS</b>	
<b>5</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên</b>	<b>69.538.956</b>
a	Chương trình mục tiêu quốc gia	50.000
b	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	46.598.763
c	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	6.631.597
d	Chi các chương trình chính sách, chế độ	16.258.596
<b>6</b>	<b>Chi tạm ứng ngân sách</b>	<b>2.667.289</b>
<b>IV</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU - CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>39.907.402</b>

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ 9 THÁNG NĂM 2017  
HUYỆN TRẠM TÀU-TỈNH YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số: 1421/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017  
của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2017
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	
<b>I</b>	<b>THU NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	<b>281.979.411</b>
<b>1</b>	<b>Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp</b>	<b>18.197.549</b>
	Trong đó: - Thu ngân sách được hưởng 100%	10.647.760
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	7.549.789
<b>2</b>	<b>Thu phản ánh qua ngân sách</b>	
<b>3</b>	<b>Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>247.204.112</b>
	- Thu bổ sung cân đối năm 2017	46.500.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu năm 2017	200.704.112
<b>4</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách</b>	<b>16.577.750</b>
<b>II</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	<b>214.549.276</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>8.143.746</b>
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>134.957.574</b>
<b>3</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>1.909.000</b>
<b>4</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp</b>	<b>69.538.956</b>
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN</b>	
<b>I</b>	<b>NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN</b>	<b>745.337</b>
<b>1</b>	<b>Thu ngân sách hưởng theo phân cấp</b>	<b>461.700</b>
	Trong đó: - Thu ngân sách được hưởng 100%	461.700
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	
<b>2</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách</b>	<b>283.637</b>
<b>3</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	
<b>II</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN</b>	<b>28.268.069</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>1.111.718</b>
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>25.019.272</b>
<b>3</b>	<b>Chi thực hiện một số chế độ, chính sách</b>	<b>2.137.080</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẠM TẤU

Mẫu số: 23/CKTC-NSH

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2017**  
**HUYỆN TRẠM TẤU-TỈNH YÊN BÁI**

( Kèm theo Quyết định số: 1421/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017  
của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu )

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2017	GHI CHÚ
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>25.396.723</b>	
<b>A</b>	<b>TỔNG CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSNN</b>	<b>21.749.915</b>	
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>21.749.915</b>	
1	Thu quốc doanh địa phương	9.912.173	
2	Thu ngoài quốc doanh	9.241.206	
3	Thu Lệ phí trước bạ	571.133	
4	Thuế nhà đất		
5	Thu tiền thuê đất	72.569	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	169	
7	Phí, lệ phí	333.169	
8	Thuế thu nhập cá nhân	588.785	
9	Thu khác ngân sách	1.030.710	
<b>II</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>3.646.808</b>	
<b>III</b>	<b>Thu phản ánh qua ngân sách</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>282.724.747</b>	
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp</b>	<b>18.659.249</b>	
	- Trong đó: Các khoản thu huyện hưởng 100%	11.109.460	
	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	7.549.789	
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>247.204.112</b>	
-	Thu bổ sung cân đối năm 2017	46.500.000	
-	Thu bổ sung có mục tiêu năm 2017	200.704.112	
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách</b>	<b>16.861.387</b>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẠM TÁU**

Mẫu số: 25/CKTC-NSH

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP  
HUYỆN TRẠM TÁU-TỈNH YÊN BÁI NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số: 1421/QĐ- UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017  
của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2017	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>214.549.276</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>8.143.746</b>	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>136.573.781</b>	
1	Chi sự nghiệp kinh tế, kinh tế khác	6.699.387	
2	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	788.580	
3	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	165.618	
4	Chi sự nghiệp phát thanh - Truyền hình	881.994	
5	Chi sự nghiệp Giáo dục và dạy nghề	95.356.323	
6	Chi sự nghiệp Y tế	10.893.171	
7	Trung tâm dân số KHHGD	959.273	
8	Chi sự nghiệp xã hội	2.211.699	
9	Chi quản lý hành chính nhà nước	9.075.164	
10	Chi trợ cấp đoàn thể	1.551.380	
11	Chi kinh phí đảng	5.536.724	
12	Chi quốc phòng	1.878.244	
13	Chi an ninh	216.610	
14	Chi khác ngân sách	359.614	
<b>III</b>	<b>Chi chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>67.401.956</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi tạm ứng khác</b>	<b>2.429.793</b>	

**CHI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC 9 THÁNG  
NĂM 2017 HUYỆN TRẠM TÁU-TỈNH YÊN BÁI**

( Kèm theo Quyết định số: 1421/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017  
của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Cộng	Chia ra	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
	<b>CỘNG</b>	<b>20.969.445</b>	-	<b>20.969.445</b>
<b>1</b>	<b>CHI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH</b>	<b>20.969.445</b>	-	<b>20.969.445</b>
1	Chi hỗ trợ trực tiếp cho người dân nghèo ở vùng khó khăn theo QĐ 102/CP	2.137.000		2.137.000
2	Chi trả tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo QĐ 28/2014/QĐ-TTG	2.609.544		2.609.544
3	Chi trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội	2.168.555		2.168.555
4	Kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen	17.144		17.144
5	Kinh phí mua BHYT cho đối tượng theo QĐ số 722/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 của UBND tỉnh Yên Bái	32.700		32.700
6	Đề án phát triển cây Sơn tra	548.281		548.281
7	Kinh phí đối với cán bộ cơ sở theo QĐ99-QĐ/TW	114.675		114.675
8	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán Misa	297.000		297.000
9	Hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào	26.000		26.000
10	Tặng quà chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi	45.300		45.300
11	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở năm 2017	320.000		320.000
12	Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008	48.000		48.000
13	Chính sách đối với học sinh và trường bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	9.703.232		9.703.232
14	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	594.900		594.900
15	Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3 - 5 tuổi	1.213.920		1.213.920
16	Kinh phí đào tạo đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, thị trấn	114.000		114.000
17	Kinh phí hỗ trợ phổ cập giáo dục	57.000		57.000
18	Chính sách tinh giảm biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP	302.443		302.443
19	Dự án điều chỉnh chi tiết xây dựng thị trấn Trạm Tấu 2016-2025	619.751		619.751
		.		

**THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG  
NĂM 2017 HUYỆN TRẠM TẤU-TỈNH YÊN BÁI**

( Kèm theo Quyết định số: 1424/QĐ- UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017  
của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2017	GHI CHÚ
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>242.817.346</b>	
-	Ngân sách huyện	214.549.276	
-	Ngân sách xã	28.268.069	
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>170.611.100</b>	
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>9.255.464</b>	
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>9.255.464</b>	
a	Từ nguồn ngân sách huyện	8.143.746	
b	Đề án phát triển đường giao thông nông thôn	1.111.718	
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>161.355.637</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế và kinh tế khác</b>	<b>7.486.422</b>	
-	Ngân sách huyện	6.699.387	
-	Ngân sách xã	787.035	
<b>2</b>	<b>Chi văn hoá thông tin</b>	<b>814.110</b>	
-	Ngân sách huyện	788.580	
-	Ngân sách xã	25.530	
<b>3</b>	<b>Chi thể dục thể thao</b>	<b>187.568</b>	
-	Ngân sách huyện	165.618	
-	Ngân sách xã	21.950	
<b>4</b>	<b>Chi phát thanh - Truyền hình</b>	<b>992.004</b>	
-	Ngân sách huyện	881.994	
-	Ngân sách xã	110.010	
<b>5</b>	<b>Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo</b>	<b>95.356.323</b>	
-	Sự nghiệp giáo dục	94.945.092	
-	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	411.231	
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp Y tế</b>	<b>10.893.171</b>	
<b>7</b>	<b>Trung tâm dân số KHHGĐ</b>	<b>959.273</b>	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp xã hội</b>	<b>2.506.486</b>	

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2017	GHI CHÚ
-	Ngân sách huyện	2.211.699	
-	Ngân sách xã	294.787	
<b>9</b>	<b>Chi quản lý hành chính nhà nước</b>	<b>21.754.977</b>	
-	Ngân sách huyện	9.075.164	
-	Ngân sách xã	12.679.813	
<b>10</b>	<b>Chi trợ cấp đoàn thể</b>	<b>6.170.493</b>	
-	Ngân sách huyện	1.551.380	
-	Ngân sách xã	4.619.113	
<b>11</b>	<b>Chi kinh phí Đảng</b>	<b>9.050.001</b>	
-	Ngân sách huyện	5.536.724	
-	Ngân sách xã	3.513.277	
<b>12</b>	<b>Chi quốc phòng</b>	<b>3.074.466</b>	
-	Ngân sách huyện	1.878.244	
-	Ngân sách xã	1.196.222	
<b>13</b>	<b>Chi an ninh</b>	<b>1.613.498</b>	
-	Ngân sách huyện	216.610	
-	Ngân sách xã	1.396.888	
<b>14</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>496.845</b>	
-	Ngân sách huyện	359.614	
-	Ngân sách xã	137.231	
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>69.538.956</b>	
-	Ngân sách huyện	67.401.956	
-	Ngân sách xã	2.137.000	
<b>C</b>	<b>CHI TẠM ỨNG KHÁC</b>	<b>2.667.289</b>	
-	Ngân sách huyện	2.429.793	
-	Ngân sách xã	237.496	